



Mã nhận dạng

03973

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Xã hội học đại cương (202621-17)

CBGD Võ Văn Việt (545)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	08223007	LÊ THỊ BÔNG			✓	1 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ			✓	2 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09223026	MAI THỊ THANH			✓	3 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09223024	NGUYỄN THỊ THANH			✓	4 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09223058	NGUYỄN TỐ QUYÊN			✓	5 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO			✓	6 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG			✓	7 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY			✓	8 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0

Số tờ: 0

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

L. M. Quang
Phan Huy Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Xác suất thống kê (202121-18)

CBGD Bùi Đại Nghĩa (755)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	1	<i>Thu</i>	5	1 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	08223007	LÊ THỊ BÔNG			✓	2 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3	09223017	ĐƯƠNG THỊ MỸ HẠNH			✓	3 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4	09223026	MAI THỊ THANH HÒA			✓	4 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5	09223024	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI			✓	5 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6	09223117	LÊ THỊ HỒNG	1	<i>Thị</i>	5	6 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7	09223058	NGUYỄN TỔ QUYÊN	1	<i>Thị</i>	5	7 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO SƯƠNG			✓	8 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9	09223077	NGUYỄN HỮU THÙY	2	<i>Thị</i>	5	9 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN			✓	10 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY VI			✓	11 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						12 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						13 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						14 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						15 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						16 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						17 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						18 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						19 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						20 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						21 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						22 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						23 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						24 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						25 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						26 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						27 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						28 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						29 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						30 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						31 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						32 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 04 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

L. L. M. Quang

Trần Huy Tâm

Châu Đăng Thiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-08)

CBGD Nguyễn Trọng Thế (027)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223001	TRẦN THỊ LỆ	ÁNH	2	5	1
2	08223007	LÊ THỊ	BÔNG		V	2
3	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH		V	3
4	09223026	MAI THỊ THANH	HÒA		V	4
5	09223024	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI		V	5
6	09223015	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	1	3	6
7	09223109	TRẦN THANH	MỸ	1	2	7
8	09223040	LÊ HẢI	NAM	2	4	8
9	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	2	5	9
10	09223058	NGUYỄN TỔ	QUYÊN	1	2	10
11	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG		V	11
12	09223063	PHAN NGỌC	THƠ	2	6	12
13	09223083	LÊ THỊ THANH	THU	1	3	13
14	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÙY	2	6	14
15	09223087	MẠC THỊ THU	TRANG	1	5	15
16	09223088	PHẠM HỒNG	TRANG	1	3	16
17	09223115	CHU CẨM	VÂN	1	3	17
18	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN		V	18
19	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY	VI		V	19
20	09223100	ĐINH QUỐC	VIỆT	1	6	20
21	09223098	NGUYỄN HÀ	VINH	1	5	21
22	09223106	NGUYỄN NGỌC	YẾN	1	6	22
						23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

Số bài: 14/1 Số từ: 20 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 29 tháng 5 năm 11

Trần M. Quang

Nguyễn Trọng Thế

Trần Văn Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-07)

CBGD Võ Thị Hồng (112)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	08223007	LÊ THỊ BÔNG			✓	1 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09223011	LÊ THỊ HỒNG	1		6	2 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
3	09223017	ĐƯƠNG THỊ MỸ			✓	3 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09223026	MAI THỊ THANH			✓	4 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09223024	NGUYỄN THỊ THANH			✓	5 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09223014	CAO THỊ THIÊN	1		6	6 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
7	09223032	TRẦN NGỌC	1		5	7 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
8	09223035	NGUYỄN THÙY	1		5	8 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
9	09223047	LÊ THỊ ÁNH	1		6	9 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
10	09223051	NGUYỄN THỊ HỒNG	1		6	10 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
11	09223056	LỤC VƯƠNG	1		6	11 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
12	09223058	NGUYỄN TỔ	1		6	12 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
13	09223059	PHẠM THỊ CẨM	1		6	13 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
14	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO			✓	14 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09223069	NGÔ THỊ	1		6	15 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
16	09223063	PHAN NGỌC	1		6	16 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
17	09223077	NGUYỄN HỮU	1		6	17 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
18	09223087	MẠC THỊ THU	1		6	18 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
19	09223092	VÕ PHƯƠNG	1		6	19 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
20	09223085	TÀO NGỌC	1		5	20 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
21	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG			✓	21 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY			✓	22 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09223100	ĐINH QUỐC	1		6	23 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
24	09223099	NGUYỄN THỊ BẢO	1		6	24 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
25	09223103	VÕ THỊ MINH	1		6	25 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
26						26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 18 Số tờ: 18 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 5 năm 2011

TS. VÕ THỊ HỒNG

TS. VÕ THỊ HỒNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Anh văn 2** (213602-36)

CBGD Tạ Mỹ Nga (553)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223001	TRẦN THỊ LỆ	ÁNH	1	5	1
2	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	1	4,5	2
3	08223007	LÊ THỊ	BÔNG			3
4	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DIỆM	1	3	4
5	09223011	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	1	7	5
6	09223012	TRẦN THỊ	GIANG	1	3	6
7	09223017	ĐƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH			7
8	09223026	MAI THỊ THANH	HÒA			8
9	09223024	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI			9
10	09223117	LÊ THỊ	HỒNG	1	4	10
11	09223027	HUỲNH THỊ BÍCH	HUỆ	1	7	11
12	09223110	VÕ MAI	HƯƠNG	1	5	12
13	09223112	LÊ THỊ	LIÊU	1	6	13
14	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	1	5	14
15	09223046	NGUYỄN THỊ	NGÂN	1	6	15
16	09223044	ĐÌNH THỊ QUYẾN	NGỌC	1	2	16
17	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYỄN	1	3	17
18	09223051	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	1	5	18
19	09223058	NGUYỄN TỔ	QUYÊN	1	4	19
20	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG			20
21	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	1	5	21
22	09223083	LÊ THỊ THANH	THU	1	5	22
23	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÙY	1	4	23
24	09223081	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	1	6	24
25	09223087	MẠC THỊ THU	TRANG	1	4,5	25
26	09223092	VÕ PHƯƠNG	TRUYỀN	1	6	26
27	09223085	TÀO NGỌC	TÚ	1	7	27
28	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN			28
29	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY	VI			29
30	09223098	NGUYỄN HÀ	VINH	1	3	30
31	09223099	NGUYỄN THỊ BẢO	VINH	1	5	31
32						32

LE M. Quang

Nguyễn Huy Tâm

Đan

Nguyễn Thị Cẩm Loan